

# CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ HOÀNG GIA

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG GIA TRAINING AND DEVELOPMENT INTERNATIONAL EDUCATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANGGIA TDIE CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107057841

3. Ngày thành lập: 22/10/2015

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Nứa, thôn Cẩm Bào, Xã Cẩm Yên, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01634843835

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 0130     |
| 2.  | Chăn nuôi khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0149     |
| 3.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4100     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4210     |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4220     |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu; Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như: Đường thuỷ, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm ;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290     |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311     |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312     |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ;</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, cầu thang tự động,</li> <li>+ Các loại cửa tự động,</li> <li>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329 |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330 |
| 13. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>- Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>- Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>- Chôn chân trụ,</li> <li>- Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>- Uốn thép,</li> <li>- Xây gạch và đặt đá,</li> <li>- Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> <li>- Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,</li> <li>- Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,</li> <li>- Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt ;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời ;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà ;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> </li> </ul> | 4390 |
| 14. | <p>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống</p> <p>Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4620 |
| 15. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8510 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8532        |
| 17. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559(Chính) |
| 18. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8130        |

**6. Vốn điều lệ:** 850.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: KHUẤT GIA HOÀNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/05/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017355875

Ngày cấp: 02/03/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Nứa, thôn Cẩm Bào, Xã Cẩm Yên, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Nứa, thôn Cẩm Bào, Xã Cẩm Yên, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: KHUẤT GIA HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 06/05/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017355875

Ngày cấp: 02/03/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Xóm Nứa, thôn Cẩm Bào, Xã Cẩm Yên, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Xóm Nứa, thôn Cẩm Bào, Xã Cẩm Yên, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội